

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAKUHO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DAKUHO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAKUHO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAKUHO .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109549359

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 45 Ngõ 2 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983688639

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đầu giá)                             | 4530     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ đầu giá)                                          | 4543     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ đầu giá) | 4610     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)               | 4620     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                  | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>(trừ thực phẩm chức năng)                                                                 | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                | 4633     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                            | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                              | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                             | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                              | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                          | 4653     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                 | 4659     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                         | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.                                                                                                           | 4669        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4719        |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4721        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4742        |
| 21. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4751        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4759(Chính) |
| 24. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763        |
| 25. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4764        |
| 26. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771        |
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772        |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng; súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4773        |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4774        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4781        |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4782        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4783        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                 | 4784 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ đấu giá)                                                                                                                                                                            | 4789 |
| 35. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)                                                                                                                                                               | 4791 |
| 36. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;<br>(trừ đấu giá) | 4799 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 30.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THÚY HOA | Số 45 Ngõ 2 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 1.500      | 15.000.000            | 5,000     | 001189012046                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 1.500      | 15.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                                                           |                           |       |            |        |                  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN ANH ĐỨC | Thôn Nghĩa Tường, Xã Hồng Phong, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                                   | Cổ phần phổ thông         | 9.900 | 99.000.000 | 33,000 | 0340900083<br>21 |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Tổng số                   | 9.900 | 99.000.000 | 33,000 |                  |
| 3 | TRẦN VŨ DOãn   | Tập thể K159 HVHC, Số nhà 41, ngõ 268/100/8 đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 9.900 | 99.000.000 | 33,000 | 0360890060<br>50 |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Tổng số                   | 9.900 | 99.000.000 | 33,000 |                  |
| 4 | LÊ HỮU TRUNG   | Số 45 Ngõ 2 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                         | Cổ phần phổ thông         | 8.700 | 87.000.000 | 29,000 | 0010850093<br>22 |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                                           | Tổng số                   | 8.700 | 87.000.000 | 29,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THÚY HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189012046

Ngày cấp: 02/10/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 45 Ngõ 2 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 45 Ngõ 2 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội